

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt "Chương trình Phát triển vùng huyện
Quan Sơn - năm tài chính 2016" do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện chợ Phi chính phủ nước ngoài; căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ thông báo ngày 18 tháng 01 năm 2016 của tổ chức Tầm nhìn thế giới về ngân sách tài trợ cho các chương trình, dự án của tổ chức Tầm nhìn Thế giới trong năm tài chính 2016 tại Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 03/TTr-SNgV ngày 25 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển vùng huyện Quan Sơn-năm tài chính 2016 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ, với những nội dung chính sau:

1. Tên chương trình: Chương trình Phát triển vùng huyện Quan Sơn -năm tài chính 2016.

2. Cơ quan thực hiện:

- Phía địa phương: UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Phía nhà tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện: Tại 05 xã: Trung Xuân, Trung Hạ, Trung Thượng, Trung Tiến và Sơn Lư thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Nguồn tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn thế giới Thụy Sĩ.

5. Mục tiêu của chương trình: Nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em và người dân nghèo trong cộng đồng 05 xã mục tiêu thông qua thực hiện 05 dự án thành phần: Phát triển sinh kế bền vững, Y tế, Giáo dục, Xây dựng năng lực, Bảo trợ lồng ghép.

6. Các hoạt động chính của chương trình:

(Kế hoạch hoạt động và chi tiết kinh phí chương trình ban hành kèm theo Quyết định này).

7. Kinh phí chương trình năm tài chính 2016 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ: 403.064 USD (Bốn trăm linh ba nghìn, không trăm sáu tư USD).

Điều 2. Vật tư, hàng hoá, nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn tiền viện trợ của Dự án được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT theo các Quy định hiện hành.

Điều 3.

1. Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn phối hợp với tổ chức Tầm nhìn Thế giới phân công trách nhiệm các bên liên quan. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan của huyện và các xã dự án triển khai thực hiện chương trình. Chỉ đạo các xã có dự án đóng góp kinh phí, vật tư đối ứng và công lao động tham gia dự án theo cam kết với tổ chức tài trợ.

- Chịu trách nhiệm về quản lý chương trình trên địa bàn huyện; thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ theo đúng Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, đảm bảo kinh phí của dự án được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án lên UBND tỉnh và các cơ quan chức năng theo Quy định hiện hành.

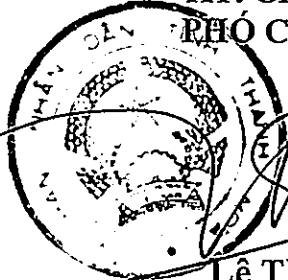
2. Giao các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế quản lý dự án theo chức năng nhiệm vụ; đồng thời hỗ trợ Ban Quản lý chương trình huyện Quan Sơn thực hiện dự án theo Quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

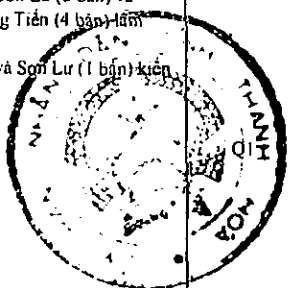
Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ;
- UB Công tác PCP NN (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Tổ chức TNTG tại VN;
- Lưu: VT, THKH (Hà 02).

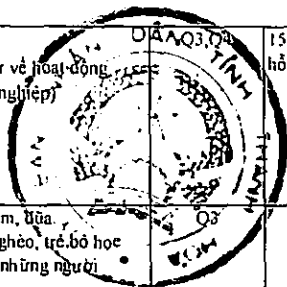
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Thìn

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2016
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN QUAN SON
 (Kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 04/ 4 /2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

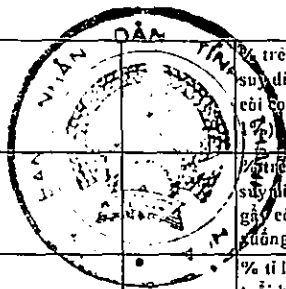
Mã hoạt động	Mục tiêu	Kế hoạch theo quý	Mục tiêu 6 tháng đầu năm	Mục tiêu cả năm	Ngân sách (USD)	Ngân sách theo huyện/xã						Đóng góp của địa phương
						Huyện	Trung Hạ	Trung Xuân	Trung Tiễn	Trung Thượng	Sơn Lư	
Dự án 1	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG- V187726											
Mục tiêu dự án 1	Cải thiện sinh kế cơ bản cho các hộ gia đình có trẻ dễ bị tổn thương và gia đình nghèo hưởng tối an sinh trẻ em.			% cha mẹ và người chăm sóc trẻ có thể chu cấp đầy đủ đảm bảo sức khỏe cho trẻ từ (0-18 tuổi) thông qua việc sử dụng tài chính của mình mà không cần sự trợ giúp từ bên ngoài trong 12 tháng								
				% tỉ lệ hộ nghèo trên toàn huyện								
				Tỷ lệ hộ gia đình phụ thuộc vào kế hoạch sử dụng lương thực								
Kết quả 1.1	Nâng cao năng suất cây lương thực chủ đạo của các hộ gia đình có trẻ và hộ gia đình nghèo			Năng suất lúa								
				Năng suất ngô								
				% Hộ gia đình áp dụng kiến thức trong tất cả các khâu canh tác lúa.								
Dầu ra 1.1.1	Nâng cao kiến thức và kỹ năng của người dân trong thâm canh cây lương thực (lúa, ngô và đậu tương)		500 hộ áp dụng và làm phân hữu cơ vi sinh hoặc phân nén dúi sâu (FDP)	500 hộ áp dụng và làm phân hữu cơ vi sinh hoặc phân nén dúi sâu (FDP)								
				360 nông dân có kiến thức cơ bản về canh tác lúa bền vững.								
Hoạt động 1.1.1.1	Tập huấn cho cộng tác viên nông nghiệp và nông dân kiến thức về canh tác lúa bền vững bằng phương pháp lớp học đăng ruộng tại bản Phú Nam, Phụng - Trung Xuân, Xảy - Trung Hạ, bản Đe, Pong, Lốc - Trung Tiễn, Bin, Hao, Hẹ - Sơn Lư Thuê giảng viên: 5 ngày x 9 lớp x 35\$ = 1575\$ Văn Phòng Phấn: 45 ngày x 30\$ = 1350\$ Hạt giống cho thực nghiệm: 9 bun x 15 hộ x 2 kg/hộ x 4.5\$ = 1.215\$ Tổng: 4140\$	Q1, Q2, Q3	270 nông dân tham gia tập huấn	270 nông dân tham gia tập huấn	4.140		460	920	1.380		1.380	

Hoạt động 1.1.1.2	Hỗ trợ các hộ gia đình tại xã Trung Hạ (7 bản), Sơn Lư (2 bản) và Trung Xuân (7 bản) Trung Thượng (5 bản), Trung Tiến (4 bản) làm phân hữu cơ vi sinh. 1. Tập huấn cho nông dân xã Trung Hạ (7 bản) và Sơn Lư (1 bản) kiến thức về làm phân hữu cơ vi sinh. 8 lớp x 7\$ = 56\$ Vận phòng phẩm (VPP): 8 lớp x 10\$ = 80\$ Tổng = 136\$ 2. Hỗ trợ men cho các hộ: \$2,100 Hỗ trợ bát cho các hộ ủ phân: \$1,500 Tổng: \$ 3600			500 hộ được hỗ trợ làm phân hữu cơ vi sinh.	3.736	1.127	1.008	576	720	305	1.000
Hoạt động 1.1.1.3	Tập huấn và hỗ trợ cho các hộ phát triển mô hình ngô xen canh đậu tương, lạc tại 7 bản của xã Trung Xuân, bản Xanh, Chiềng Xáy - Trung Hạ và bản Mây, Bôn xã Trung Thượng phí tư vấn: 11 bản x 1 lớp x 16\$ = 176\$ VPP và bánh kẹo: 11 lớp x 20\$ = 220\$ Hỗ trợ Ngô đậu tương, Lạc để thực hành: 330 hộ x 9\$ = 2970\$. Tổng: 3366\$	Q2	330 hộ được hỗ trợ phát triển mô hình.	330 hộ được hỗ trợ phát triển mô hình.	3.366	612	2.142		612		500
Hoạt động 1.1.1.4	Hỗ trợ các hộ gia đình mở rộng mô hình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) tại Piêng Chang - Trung Xuân; Lợi xã Trung Hạ và Cúm xã Trung Tiến. Phí tư vấn: 7 lớp x 1 ngày x 5 lần x 15\$ = 525\$ VPP và bánh kẹo: 7 lớp x 5 lần x 20\$ = 700\$ Hạt giống thực hành: 230 hộ x 3 kg x 3,5\$ = 2,415\$ giảng viên nguồn: 3,640\$	Q1,2,3	180 hộ được hỗ trợ phát triển mô hình	180 hộ được hỗ trợ phát triển mô hình	3.640	1.560	520	1.560			500
Đầu ra 1.1.2	Cải thiện và nâng cấp hệ thống thủy lợi nhỏ			6 ha được tưới thêm							
Hoạt động 1.1.2.1	Khảo sát nhu cầu của cộng đồng về xây dựng kênh mương nhỏ và thiết kế 3 kênh mương. Chi phí khảo sát: \$50 Chi phí thiết kế: \$300	Q1	3 kênh mương được đánh giá và thiết kế	3 kênh mương được đánh giá và thiết kế	350	100					
Hoạt động 1.1.2.3	Hỗ trợ nâng cấp và xây dựng công trình thủy lợi nhỏ tại xã Trung Tiến và Trung Thượng và Trung Xuân 4.004\$ x 3 kênh mương = 12,012\$	Q1,2,3		3 kênh mương được xây dựng.	12.012		4.004	4.004	4.004		5.000
Kết quả 1.2	Cải thiện chăn nuôi gia súc gia cầm cho các hộ gia đình có trẻ ở các xã dự án			4% của các hộ nông dân được hỗ trợ có thêm thu nhập từ chăn nuôi gia súc, gia cầm							
				3% Số hộ gia đình có thêm thu nhập từ chăn nuôi gia súc, gia cầm chăn nuôi							
				% số hộ gia đình áp dụng kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm.							
Đầu ra 1.2.1	Kiến thức cơ bản về chăn nuôi tại các xã dự án được cải thiện		210 nông dân (nam giới và nữ giới) có kiến thức cơ bản về chăn nuôi gia súc, gia cầm	210 nông dân (nam giới và nữ giới) có kiến thức cơ bản về chăn nuôi gia súc, gia cầm							

Hoạt động 1.2.1.3	Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm cho các nhóm chăn nuôi tại 5 xã dự án. Phí thuê tư vấn: 10 lớp x 2 ngày x 10\$ = 200\$ VPP và hành lý: 10 lớp x 2 ngày x 20\$ = 400\$. Tài liệu phát: 300 người x 50.35\$ = 15.105. Tổng = 705\$	Q2	300 nông dân được tập huấn.	300 nông dân được tập huấn.	705		141	141	141	141	141	
Hoạt động 1.2.1.4	Hỗ trợ các hộ nghèo tại bản Piêng Trang, Muồng xã Trưng Xuân, bản Bá, Lợi xã Trưng Hạ, bản Ngâm, Khạn, Bách, Máy xã Trưng Thượng, bản Páng 1 và Haa xã Sơn Lư phát triển mô hình chăn nuôi lợn. 10 hộ x 500\$ = 5.000\$	Q2,3	24 Hộ được hỗ trợ lợn giống.	60 Hộ được hỗ trợ lợn giống.	5.000		1.000	1.000		2.000	1.000	1.500
Hoạt động 1.2.1.5	Hỗ trợ trẻ bảo trợ xã hội hoặc khó khăn phát triển kinh tế dựa trên kết quả thăm trẻ, (hỗ trợ bò hoặc dê giống). 10 gia đình trẻ bảo trợ x 10 con bò x 450\$/con = 4500\$ 10 gia đình trẻ bảo trợ x 1 con dê x 250\$ = 2500\$ Tập huấn kiến thức cho gia đình trẻ và trẻ bảo trợ: 192\$ Tổng: 7.192\$	Q3, 4		20 gia đình trẻ bảo trợ được hỗ trợ sau kết quả thăm trẻ	7.192	7.192						1.000
Đầu ra 1.2.2	Cải thiện mạng lưới dịch vụ thú y tại các xã dự án			150 người nghèo được hỗ trợ sử dụng các dịch vụ thú y								
Hoạt động 1.2.2.2	Tập huấn kiến thức về chăn nuôi gia súc, gia cầm, kiến thức và thực hành chuyên môn thú y cho 5 nhóm thú y tại 5 xã dự án Hỗ trợ ăn và đi lại cho học viên: 30 người x 3 ngày x 9\$ = 810\$ Phí thuê tư vấn: 3 ngày x 15\$ = 45\$. VPP và hội trường: 150\$ Tổng: 1005\$	Q1	30 người tham gia tập huấn	30 người tham gia tập huấn	1.005	1.005						
Hoạt động 1.2.2.3	Tập huấn phòng bệnh đàn gia súc, gia cầm cho nông dân (bao gồm kỹ thuật chăm sóc và vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, phòng bệnh trong mùa đông) tại 22 bản có mô hình chăn nuôi lợn tại 5 xã dự án. Thuê giảng viên: 22 lớp x 15\$ = 330\$ VPP và Tài liệu: 22 classes x 30\$ = 660\$ Tổng: 990\$	Q2	660 hộ được tập huấn	660 hộ được tập huấn	990	990	225	180	180	225	180	
Hoạt động 1.2.2.5	Hỗ trợ các hộ nghèo sử dụng các dịch vụ thú y như tiêm phòng, khử trùng môi trường chăn nuôi tại 5 xã dự án. 210 Hộ = 2.200\$	Q2,3,4	210 hộ được hỗ trợ sử dụng dịch vụ thú y	210 hộ được hỗ trợ sử dụng dịch vụ thú y	2.200		440	440	440	440	440	1.000
Kết quả 1.3	Đa dạng nguồn thu nhập của các hộ gia đình có trẻ từ các hoạt động phi nông nghiệp		% các hộ gia đình có thêm thu nhập từ các ngành nghề phụ	5% các hộ gia đình có thêm thu nhập từ các ngành nghề phụ								
Đầu ra 1.3.1	Phát triển mô hình kinh doanh và các hoạt động tạo thu nhập trong các ngành nghề phụ.			60 hộ gia đình tham gia vào hoạt động tạo thu nhập trong ngành nghề phụ								

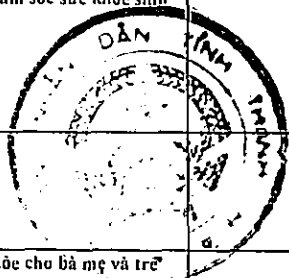


Hoạt động 1.3.1.3	Hỗ trợ đầu vào dựa trên đề xuất của các nhóm khởi sự về hoạt động kinh doanh (các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp) Phi tập huấn: \$300 Hỗ trợ các hộ trồng vầu: 15 Hộ x \$400 = \$6,000 Tổng: 6.300\$		15 hộ gia đình được hỗ trợ phát triển.	15 hộ gia đình được hỗ trợ phát triển.	6.300		3.150	3.150				1.000
Hoạt động 1.3.1.5	Vận động các hộ nghèo vào làm việc tại các xưởng làm, sửa, -Tổ chức các cuộc họp bàn nhằm đưa các nông dân nghèo, trẻ, bỏ học có nguyện vọng làm việc tại các phân xưởng, ưu tiên những người không cả việc làm, không có đất canh tác: \$300 -Hỗ trợ một phần phí cho các nông dân nghèo học tập tại các xưởng: 651\$ -Hỗ trợ 50% phí máy móc sản xuất cho các xưởng tăng nhu cầu lao động (theo cơ chế công tư): 5 máy x \$400/máy = \$2,000, giảng viên nguồn: \$2951			20 công nhân được làm việc tại các xưởng	2.951	2.951						
Đầu ra 1.3.2	Nâng cao kiến thức và kỹ năng của người dân về tiếp cận thị trường và tiết kiệm chi tiêu			150 người (Nam, Nữ) có kiến thức về phát triển kinh doanh								
Hoạt động 1.3.2.2	Tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kinh doanh và đại diện các nhóm Tiết kiệm tiết kiệm kiến thức và kỹ năng hỗ trợ điều hành và quản lý nhóm nông dân gồm: kỹ năng về lập kế hoạch, chiến lược hoạt động nhóm, giám sát, báo cáo. Phí thuê tư vấn: \$500 Ăn và đi lại cho các học viên: 30 người x 4 ngày x \$7 = \$840. Hội trường và văn phòng phẩm: \$200.	Q2	30 người được tập huấn	30 người được tập huấn	1.540	1.540						
Hoạt động 1.3.2.4	Hỗ trợ dụng cụ cho các thành viên trong nhóm Tiết kiệm tín dụng mới tham gia nhóm như sổ thành viên, sổ cai, tủ lưu giữ sổ sách, máy tính: 700\$	Q2	10 nhóm Tiết kiệm tín dụng được hỗ trợ	10 nhóm Tiết kiệm tín dụng được hỗ trợ	700		140	140	140	140	140	
Hoạt động 1.3.2.6	Tập huấn về Tiết kiệm tín dụng cho các thành viên trong nhóm tiết kiệm tín dụng (bản Piêng Trang, Muồng xã Trung Xuân, bản Bả, Lợi xã Trung Hạ, bản Ngâm, Khan, Bách, Máy, bản Páng I và Hao xã Sơn Lư) kiến thức về tiết kiệm và quản lý sổ sách. Phi thuê tư vấn: 10 lớp x \$15 x 2 ngày x 2 đợt = \$600, Văn phòng phẩm: \$300: Tổng: \$900	Q1,2	200 người được tập huấn	200 người được tập huấn	900		180	180		360	180	
Hoạt động 1.3.2.7	Hỗ trợ nhóm Nhóm hỗ trợ phát triển kinh doanh giám sát và hỗ trợ hoạt động của các nhóm Tiết kiệm tín dụng 9 thành viên nhóm Nhóm hỗ trợ phát triển kinh doanh x \$100 = \$900	Q1,2,3,Q4	20 nhóm được hỗ trợ	20 nhóm được hỗ trợ	900		230	230	230	230	275	
	Tổng				57.627							
	Chi phí quản lý và hành chính và chi phí gián tiếp cho văn phòng Hà Nội				21.707							
	Tổng ngân sách dự án				79.334							
Dự án 2	DỰ ÁN Y TẾ - V199764											
Mục tiêu dự án 2	Cải thiện tình trạng sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em tại các xã dự án		% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (Giảm xuống 0,5%)	% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (Giảm xuống 0,5%)								



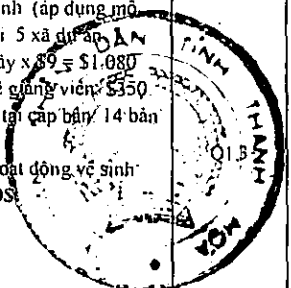
			% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể còi cọc (Giảm xuống)	% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể còi cọc (Giảm xuống 1%)								
			% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể gầy còm (Giảm xuống 0,5%)	% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể gầy còm (Giảm xuống 0,5%)								
			% tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy trong 2 tuần qua (Giảm xuống 1%)	% tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy trong 2 tuần qua (Giảm xuống 1%)								
			% trẻ dưới 5 tuổi mắc ARI trong 2 tuần qua (Giảm xuống 4%)	% trẻ dưới 5 tuổi bị viêm đường hô hấp cấp trong 2 tuần qua (Giảm xuống 4%)								
Kết quả 2.1	Cải thiện việc thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ		% trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	% trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu								
			% trẻ được ăn với 4 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua	% trẻ được ăn với 4 nhóm thực phẩm trong 24 giờ qua								
Dầu ra 2.1.1	Kiến thức và kỹ năng về truyền thông thay đổi hành vi cho nhân viên và cộng tác viên y tế về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ và bà mẹ được cải thiện.		50 cộng tác viên và nhân viên y tế có kiến thức cơ bản về truyền thông thay đổi hành vi chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em	50 cộng tác viên và nhân viên y tế có kiến thức cơ bản về truyền thông thay đổi hành vi chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em								
Hoạt động 2.1.1.2	Tập huấn cho cán bộ y tế bản, xã và trưởng câu lạc bộ dinh dưỡng về kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi ở cấp huyện. Tiền ăn và đi lại của học viên: 69 người x 2 ngày x \$9 = \$1.242. Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ấn nhệ thuê giảng viên: \$200. Tổng: \$1.442	Q1	69 người tham gia tập huấn	69 người tham gia tập huấn	\$1.442	\$1.442						
Hoạt động 2.1.1.4	Tiến hành thực hành các buổi truyền thông thay đổi hành vi theo hình thức nghệ thuật bởi nhân viên y tế thôn, xã và ban chủ nhiệm câu lạc bộ (CLB) dinh dưỡng tại 5 xã trong vùng dự án. 34 lớp x \$33/ lớp = \$1.122	Q1	34 Lớp được thực hành truyền thông	34 Lớp được thực hành truyền thông	\$1.122		231	231	264	198	198	
Hoạt động 2.1.1.5	Tổ chức hội thảo đánh giá kết quả tổ chức duy trì của các câu lạc bộ dinh dưỡng thuộc 5 xã trong vùng dự án Tiền ăn và đi lại của học viên: 45 người x 1 ngày x 2 đợt x \$18 = \$1.620 Văn phòng phẩm, thuê hội trường, ấn nhệ thuê giảng viên: \$100 x 2 đợt = 200\$ Tiền mua quà khen thưởng động viên các CLB hoạt động tốt: 5 CLB x \$5 x 2 đợt = \$50. Tổng: \$1.870	Q2, Q4	1 cuộc hội thảo được tổ chức	2 cuộc hội thảo được tổ chức	1.870	\$1.870						
Dầu ra 2.1.2	Cải thiện năng lực giám sát hỗ trợ cho các thành viên như chủ tịch hội phụ nữ, trưởng câu lạc bộ dinh dưỡng, nhân viên y tế xã phụ trách dinh dưỡng.		50 người (nam và nữ) có kiến thức cơ bản về hỗ trợ giám sát hỗ trợ	50 người (nam và nữ) có kiến thức cơ bản về hỗ trợ giám sát hỗ trợ								

Hoạt động 2.1.2.1	Tập huấn cho chủ tịch hội phụ nữ: trường câu lạc bộ dinh dưỡng/pinh viên y tế xã phụ trách dinh dưỡng về giám sát. Tiền ăn và đi lại của học viên: 69 người x 2 ngày x \$9 = \$1.242 Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ấn nêc thuê giảng viên: \$200 - \$ 1,442	Q1	69 người được tập huấn về giám sát hỗ trợ	69 người được tập huấn về giám sát hỗ trợ	1.442	1.442						
Hoạt động 2.1.2.2	Tập huấn về kỹ năng quản lý nhóm và nâng cao chất lượng sinh hoạt câu lạc bộ dinh dưỡng cho phụ nữ. Tiền ăn và đi lại của học viên: 69 người x 2 ngày x \$9 = \$1.242 Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ấn nêc thuê giảng viên: \$200 Tổng: \$ 1,442	Q1	69 người tham gia tập huấn	69 người tham gia tập huấn	1.442	1.442						
Hoạt động 2.1.2.3	Hỗ trợ hệ thống giám sát hợp chưa sẽ kinh nghiệm hàng quý sau khi thực hiện giám sát. Tiền ăn và đi lại cho học viên: 20 người x 1 ngày x 4 quý x 9\$ = 720\$ Tiền văn phòng phẩm, thuê hội trường, ấn nêc và giảng viên: 80\$ x 4 quý = 320\$ Tổng: 1.040\$	Q1,2,3,4	2 lần chia sẻ kinh nghiệm được triển khai	4 lần chia sẻ kinh nghiệm được triển khai	1.040							
Dầu ra 2.1.3	Nâng cao kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng cho người chăm sóc trẻ		250 phụ nữ và nam giới có kiến thức cơ bản về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi	250 phụ nữ và nam giới có kiến thức cơ bản về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi								
Hoạt động 2.1.3.1	Tập huấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng tại xã Trung Tiến, Trung Thượng và Sơn Lư 19 lớp x 50\$/lớp x 2 lần = \$1,900	Q2	475 bà mẹ và người chăm sóc trẻ được tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ	475 bà mẹ và người chăm sóc trẻ được tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ	1.900		700	600	600			
Hoạt động 2.1.3.4	Hỗ trợ thực hành dinh dưỡng hàng tháng cho các câu lạc bộ dinh dưỡng (văn phòng phẩm, xây dựng quy chế hoạt động, hỗ trợ một phần chi phí để trình diễn việc nấu cháo hoặc làm sữa đậu nành cho trẻ). - Tổ chức thực hành dinh dưỡng: 1115 trẻ x 0.25\$/trẻ/tần x 4 tháng = 1.115 \$. - Giám sát và hỗ trợ trong thực hành dinh dưỡng: 760\$ Tổng: 1.875\$	Q1,2,3,4	30 câu lạc bộ được thực hành dinh dưỡng	30 câu lạc bộ được thực hành dinh dưỡng	1.875	437,5\$	187,5	437,5	375	437,5		
Hoạt động 2.1.3.5	Hỗ trợ 30 câu lạc bộ dinh dưỡng tại 5 xã trong vùng dự án về xây dựng vườn rau dinh dưỡng và con vật nuôi cho các hộ có trẻ suy dinh dưỡng 5 xã x 200\$ = \$ 1,000	Q2,	30 câu lạc bộ được hỗ trợ	30 câu lạc bộ được hỗ trợ	1.000	200	200	200	200	200	1.000	
Hoạt động 2.1.3.6	Thực hiện cân, đo trẻ và khảo sát tỉ lệ viêm da, tiêu chảy của trẻ 2 đo x \$1,100 = \$2,200	Q1,3	1 cuộc cân, đo trẻ được thực hiện	2 cuộc cân, đo trẻ được thực hiện	2.200	2.200						500
Hoạt động 2.1.3.7	Hướng ứng chiến dịch về sức khỏe trẻ em và thành hành động về người khuyết tật: \$600	Q3		2 chiến dịch được hướng ứng	600	600						
Hoạt động 2.1.3.8	Xây dựng mô hình can thiệp dinh dưỡng tổng hợp tại 5 xã dự án Tập huấn cho 40 cán bộ y tế trong 2 ngày: 1.200\$ Giới đoạn can thiệp: 2.300\$ Tài liệu truyền thông: 539\$. Tổng: 3.039\$	Q1,2,3,4	6 mô hình được hoàn thành	6 mô hình được hoàn thành	3.039	700	700	639				



Kết quả 2.2	Cải thiện điều kiện tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ và trẻ em		Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị viêm đường hô hấp nhận được sự điều trị đưa tới cơ sở y tế phù hợp tăng 1%	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị viêm đường hô hấp nhận được sự điều trị đưa tới cơ sở y tế phù hợp tăng 5%										
			Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy nhận được sự điều trị và theo dõi hiệu quả tăng 1%	Tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy nhận được sự điều trị và theo dõi hiệu quả tăng 6%										
Dầu ra 2.2.1	Cải thiện kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em			300 bà mẹ có kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em										
			39 cán bộ y tế và trưởng các câu lạc bộ dinh dưỡng có kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em	39 cán bộ y tế và trưởng các câu lạc bộ dinh dưỡng có kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em										
Hoạt động 2.2.1.1	Hỗ trợ micro cho 5 trạm y tế và lò sưởi cho trẻ sơ sinh tại trạm y tế xã Trung Thượng 5 trạm x 100\$ = 500\$ lò sưởi cho trẻ sơ sinh : 170\$ Tổng: 670\$	Q2	1 trạm y tế được hỗ trợ	1 trạm y tế được hỗ trợ	670		100	100	100	170	100		100	
Hoạt động 2.2.1.2	Tập huấn cho trưởng các câu lạc bộ dinh dưỡng kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em. 60 người x 2 ngày x \$ 9 = \$1080. Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ăn nhẹ thuê giảng viên = \$250 Tổng \$1,330	Q2	60 người tham gia tập huấn	60 người tham gia tập huấn	1.330	1330								
Hoạt động 2.2.1.3	Truyền thông các kiến thức về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ tại Trung Tiến, Trung Thượng và Sơn Lư 19 lớp x 50\$/lớp = 950\$	Q2	400 bà mẹ và người chăm sóc trẻ được truyền thông về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em	400 bà mẹ và người chăm sóc trẻ được truyền thông về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em	950			350	300	300				
Hoạt động 2.2.1.4	Hỗ trợ trẻ bị bệnh nặng như hỗ trợ một phần chi phí cho trẻ bị bệnh hiểm nghèo để khám và điều trị hoặc hỗ trợ các hộ có trẻ bị bệnh nặng phát triển kinh tế dựa trên các đợt thăm trẻ của dự án bảo trợ Tổng: \$1,281	Q2,3	10 trẻ nghèo được hỗ trợ	10 trẻ nghèo được hỗ trợ	1.281	1281							500	
Hoạt động 2.2.1.5	Hỗ trợ các nhóm giảm sởi hỗ trợ đến thăm các hộ gia đình về thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 5. 4 lần thực địa x \$500 = \$2,000	Q,2,3,4	2 thăm được thực hiện	4 thăm được thực hiện	2.000		400	400	400	400	400			
Dầu ra 2.2.2	Nâng cao kiến thức và kỹ năng về phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ và người chăm sóc trẻ			350 người chăm sóc trẻ có kiến thức cơ bản về Phòng chống tai nạn thương tích										
			700 trẻ (trai và gái) độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi có kiến thức cơ bản về phòng chống tai nạn thương tích	700 trẻ (trai và gái) độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi có kiến thức cơ bản về phòng chống tai nạn thương tích										

Hoạt động 2.2.2.1	Tập huấn kiến thức và kỹ năng về phòng chống tai nạn thương tích cho cộng tác viên thôn bản, thành viên của ban phát triển thôn và giáo viên ở cấp huyện. Tiền ăn và đi lại của học viên: 60 người x 2 ngày x \$9 = \$1.080 Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ấn nẹp thuê giảng viên: \$350. Tổng: \$ 1.430		60 người (nam, nữ) tham gia tập huấn	60 người (nam, nữ) tham gia tập huấn	1.430	1.430						
Hoạt động 2.2.2.2	Hỗ trợ 10 nhóm trẻ nông cời tại trường Tiểu Học và Trung Học cơ sở hội thi rung chuông vàng về tai nạn thương tích cho các ban tại trường. Tập huấn cho nhóm giảng viên nguồn: 5 lớp x \$100 = \$500 Truyền thông tại các trường: 10 nhóm x \$150 = \$1.500 Tổng: 2,000\$	Q2	1,500 học sinh (nam, Nữ được tham gia truyền thông	1,500 học sinh (nam, Nữ được tham gia truyền thông	2.000	\$500	300	300	300	300	300	
Hoạt động 2.2.2.3	Truyền thưng về tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước cho người chăm sóc trẻ tại xã Trung Xuân, Trung Hạ và Trung Tiên 21 lớp x \$50 = \$1.050	Q3		390 cha mẹ và người chăm sóc trẻ tham gia truyền thông	1.050		350	350	350			
Hoạt động 2.2.2.5	Xây dựng mô hình trường học an toàn cho 5 trường tiểu học. Tổ chức tập huấn cấp huyện cho các trường: \$400 Hỗ trợ các trường xây dựng mô hình: 5 trường x \$500 = \$2500. Tổng: 2,900	Q3,4		5 trường được hỗ trợ mô hình	2.900	\$400	500	500	500	500	500	
Kết quả 2.3	Cải thiện thực hành nước sạch, vệ sinh cho trẻ và người chăm sóc trẻ		% hộ sử dụng nhà xí hợp vệ sinh	7% hộ sử dụng nhà xí hợp vệ sinh								
			% hộ được sử dụng nước sạch/an toàn	2% hộ được sử dụng nước sạch/an toàn								
Đầu ra 2.3.1	Cải thiện điều kiện vệ sinh, nước sạch cho cộng đồng và trường học			200 hộ được hỗ trợ làm nhà vệ sinh								
Hoạt động 2.3.1.1	Hỗ trợ hệ thống nước sạch cho 3 bản, bản Xây Trung Hạ, bản Bách Trung Thượng và bản Bon Sơn Lư. Bản Xây và Bon: 2 hệ thống x 1800\$ = 3600\$ Giếng khoan bản Bách: 5 giếng x 700\$ = 3500\$ Tổng: 7,100	Q3		3 hệ thống nước sạch được thực hiện	7.100		1.800			3.500	1.800	1.000
Hoạt động 2.3.1.2	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh tại 3 bản xã Trung Hạ 200 hộ x \$30 = \$6,000	Q2	200 hộ được hỗ trợ làm nhà vệ sinh	200 hộ được hỗ trợ làm nhà vệ sinh	6.000		6.000					
	Hỗ trợ xây dựng 2 khu vệ sinh cho 2 khu bản trú trường THCS xã Trung Tiên Xây 1 nhà vệ sinh: 3013\$ x 1 trường: 3013\$	Q3		1 nhà vệ sinh được xây dựng	3.013					3.013		

Hoạt động 2.3.1.3	Tiến hành chiến dịch truyền thông về nhà tiêu hợp vệ sinh và nước sạch vệ sinh môi trường cho các hộ gia đình (áp dụng mô hình vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ) tại 5 xã dự án. Tiền ăn và đi lại của học viên: 40 người x 3 ngày x \$9 = \$1.080. Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ấn nệ thuê giảng viên: \$350. Hoạt động vệ sinh tổng thể dựa vào cộng đồng tại cấp bản/ 14 bản x 200\$ = 1800\$. Tổ chức giới thiệu và đi thực địa tại 3 bản về hoạt động vệ sinh tổng thể dựa vào cộng đồng: 900\$. Tổng: 3830\$.			30 hộ có nhà vệ sinh tham khi tham gia kích hoạt	3.830	\$2.630	400		400	400		
Đầu ra 2.3.2	Nâng cao kiến thức về vệ sinh nước sạch cho cộng tác viên y tế và cộng đồng			350 người (nam và nữ) có kiến thức cơ bản về vệ sinh nước sạch								
Hoạt động 2.3.2.1	Tổ chức truyền thông kiến thức về vệ sinh môi trường cho người dân tại Trung Tiền và Trung Thượng - 13 bản x \$60: \$780	Q4		390 người tham gia truyền thông	780				390	390		
Hoạt động 2.3.2.3	Tập huấn cho cán bộ y tế về nước sạch, vệ sinh. Tiền ăn và đi lại của học viên: 69 người x 2 ngày x \$9 = \$1.242. Văn phòng phẩm, thuê hội trường, Ấn nệ thuê giảng viên: \$200. Tổng: \$ 1.442	Q4		69 nhân viên y tế được tập huấn	1.442	\$1.442						
giảng viên nguồn AL	Tổng				54.748							
	Chi phí quản lý hành chính tại chương trình và chi phí gián tiếp cho văn phòng quốc gia				21.295							
	Tổng ngân sách dự án				76.043							
Dự án 3	DỰ ÁN GIÁO DỤC - V187728				65.070	24.550	9.006	6.556	7.656	9.456	6.306	
Mục tiêu dự án 3	Cải thiện kết quả học tập cho trẻ em (1.5 đến 18 tuổi) tại các xã dự án			2% trẻ em (trai và gái) sẵn sàng đến trường (vào lớp 1)								
				1 % trẻ em (trai và gái) ở độ tuổi 11 (Sau khi hoàn thành lớp 5) biết đọc hiểu thiết thực								
Kết quả 3.1	Cải thiện cơ hội tiếp cận và chất lượng chăm sóc, giáo dục cho trẻ mầm non vùng dự án		0	% trẻ (Nam và Nữ) ra lớp trong độ tuổi từ 18 đến 36 tháng tăng 1%								
Đầu ra 3.1.1	Nâng cao kiến thức và kỹ năng chăm sóc phát triển trẻ em phụ huynh và giáo viên		25 giáo viên nói được kiến thức và kỹ năng cơ bản của chương trình giáo dục mầm non mới	25 giáo viên nói được kiến thức và kỹ năng cơ bản của chương trình giáo dục mầm non mới								
			0	4 Ban phụ huynh-giáo viên tại các trường mầm non dự án hoạt động hiệu quả								

Hoạt động 3.1.1.1	Hỗ trợ 2 khóa tập huấn cho giáo viên mầm non về chủ đề trẻ sẵn sàng đến trường (Mô đun: 6,7,8,9,10). Gửi 5 giáo viên tham gia tập huấn cấp tỉnh. Tiền ăn là: 25 người x 6\$/ ngày x 3 ngày/khóa = 900\$ Đi lại: 25 người x 3\$ x 3 ngày x 2 khóa = 450\$. Người đứng lớp: 100\$. Văn phòng phẩm: 250\$. Giải lao: 105\$ (0,7\$ x 25 người x 3 ngày x 2 khóa). Phòng họp = 60\$. Tổng: 1.865 Hỗ trợ nhóm giảng viên nguồn tập huấn lại tại trường cho các giáo viên tại khu lẻ: 5 trường x 100\$ x 2 = 1000\$ Cứ 5 giáo viên tham gia tập huấn cấp huyện: 5 giáo viên x 100\$ = 500\$. Tổng: 3.365\$		50 giáo viên Tham gia	50 giáo viên Tham gia	3.365	1.865	200	200	200	200	200	400
Hoạt động 3.1.1.3	Hỗ trợ hoạt động giám sát chất lượng giáo dục và chăm sóc phát triển trẻ mầm non thông qua ban giám sát tại trường. Tiền ăn và đi lại: 25 người x 30\$ x 2 lần = 1500\$ VPP và ăn nhẹ: 190\$. Tổng: 1690\$	Q1, Q3	1 cuộc giám sát được thực hiện	2 cuộc giám sát được thực hiện	1.690	1.690						
Hoạt động 3.1.1.4	1, Thành lập và duy trì hoạt động của ban Phụ huynh-Giáo Viên. Củng cố và hỗ trợ họp tháng tháng Tổ chức 1 cuộc họp cấp huyện: 400\$ Hỗ trợ họp hàng tháng của ban và các hoạt động ngoại khóa (lồng ghép chủ đề "trào đổi về quy định của chăm sóc và phát triển trẻ mầm non": 150\$ x 5 ban = 750\$ 2, Hỗ trợ một khóa tập huấn cho ban PH-GV về cách phòng chống bệnh thông thường cho trẻ. Tập huấn cho nhóm giảng viên nguồn+B113 cấp huyện. Tiền ăn và đi lại: 50 người x 9\$ x 2 ngày = 900\$ phí tư vấn: 200\$ VPP = 50\$ Ăn nhẹ: 25 x 0,7 x 2 = 35\$, thuê phòng họp: 20\$ 3.Hỗ trợ nhóm giảng viên nguồn tập huấn lại cho phụ huynh và người chăm sóc trẻ Tiền ăn: 3\$ x 5 trường x 30 người = 450\$ Chi phí khác: 5 trường x 100\$ = 500\$. Tổng: 950\$ Tổng 1+2+3: 3350\$	Q1, Q2, Q3, Q4	2 cuộc họp được tổ chức	4 cuộc họp được tổ chức	3.350	1.150	340	340	340	340	340	500
Hoạt động 3.1.1.5	Hỗ trợ dụng cụ học tập cho trẻ dễ bị tổn thương, trẻ khuyết tật và đặc biệt khó khăn đến trường. 15 học sinh x 5 trường x 50\$/em = 3750\$	Q1	75 trẻ được hỗ trợ	75 trẻ được hỗ trợ	3.750		750	750	750	750	750	500
Hoạt động 3.1.1.6	Hỗ trợ một khóa tập huấn cho giáo viên cốt cán 5 trường mầm non về chủ đề lồng ghép tại khu lẻ. Tiền ăn: 25 người x 6\$/ngày x 2 ngày/khóa x 2 khóa = 600\$ Tiền đi lại: 50 người x 2\$/ngày x 4 ngày = 200\$ Phí tư vấn: 100\$ VPP= 300\$, ăn nhẹ: 0,8\$/người/ngày x 50 thành viên x 2 ngày/khóa = 80\$ Phòng họp: 40\$ Tổng: 1220\$	Q1	50 người tham gia	50 người tham gia	1.220	1.220						200
Hoạt động 3.1.1.7	Thực hiện đo sự sẵn sàng của trẻ vào lớp 1 lượng: x 900\$ = 900\$	Q3	1 cuộc đo	100% trẻ từ 5-6 tuổi được khảo sát.	900	900						

Dẫn ra 3.1.2	Cải thiện điều kiện dạy học và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non dự án (ưu tiên khu lẻ)		3 trường và khu trường lẻ được trang bị cơ sở vật chất cơ bản để triển khai Chương trình GD Mầm non mới	3 trường và khu trường lẻ được trang bị cơ sở vật chất cơ bản để triển khai Chương trình GD Mầm non mới									
Hoạt động 3.1.2.1	Hỗ trợ 30% chi phí bữa ăn cho trẻ khó khăn dưới 36 tháng: Trung Hạ: 40 trẻ, Trung Xuân: 25 trẻ, Trung Tiền: 30 trẻ, Trung Thượng: 35 trẻ và Sơn Lư: 30 trẻ. - 20\$ x 160 trẻ = 3,200\$	Q1, Q2, Q3	160 trẻ được hỗ trợ	160 trẻ được hỗ trợ	3.200		800	500	600	700	600		1.000
Hoạt động 3.1.2.2	Hỗ trợ trang thiết bị, đồ chơi phục vụ dạy và học: Tập huấn cho gv các trường khu lẻ làm đồ chơi ngoài trời tự tạo. \$1,600 Cung cấp trang thiết bị không có sẵn tại đại phương cho các trường khu lẻ làm đồ dùng đồ chơi ngoài trời tự tạo. 300\$ x 4 communes = 1.200\$ giảng viên nguồn: \$2.800	Q1,2	16 khu lẻ được hỗ trợ	16 khu lẻ được hỗ trợ	2.800	1.600	300	0	300	300	300		2.000
Hoạt động 3.1.2.3	Hỗ trợ vật liệu xây dựng/nâng cấp tường rào, sân chơi cho các trường mầm non (MN). 1. Hỗ trợ sơn tường trường MN Trung Xuân. \$500 2. Hỗ trợ xây sân chơi tường rào cho khu lẻ trường MN Trung Hạ. \$2.500 3. Hỗ trợ xây dựng sân chơi tường rào khu Sỏi trường MN Sơn Lư. \$1.500 Tổng: 1+2+3 = \$4.500	Q2,3,4	1 trường được hỗ trợ	3 trường được hỗ trợ	4.500	0		2.500	500		1.500		2.000
Hoạt động 3.1.2.4	Hỗ trợ văn phòng phẩm, vật dụng làm dụng cụ dạy học và trang trí lớp học với sự tham gia của giáo viên và cha mẹ trẻ. Tổ chức hội thi kỹ năng làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cấp huyện. Hợp chuẩn bị, tiền ăn: 8 người x 6\$/ngày = 48\$, đi lại 6 người x 3\$/ngày = 18\$ Tiền make: 200\$, chi phí chuẩn bị của các trường: 40\$ x 5 trường = 200\$, ăn nhẹ = 50\$, giải thưởng = 250\$ Hỗ trợ cho người chấm thi, đại diện: 200\$, Tiền ăn và đi lại cho thành viên: 15 người x 5 trường x 9\$ = 675\$, phòng tổ chức hội thi: 15\$, văn phòng phẩm: 40\$ x 5 trường = 200\$ Tổng: 1856\$	Q1	75 giáo viên và phụ huynh tham gia	75 giáo viên và phụ huynh tham gia	1.856	1.856							2.000
Kết quả 3.2	Nâng cao khả năng học tập cho trẻ em gái, trẻ em trai ở các trường tiểu học dự án		0	2.5% giáo viên áp dụng PPDHTC									300
			0	1% trẻ hoàn thành bậc tiểu học.									
Dẫn ra 3.2.1	Tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực (PPDHTC) cho giáo viên tại các trường tiểu học dự án		25 giáo viên trình diễn tốt đặc trưng của PPDH lấy HS làm trung tâm	25 giáo viên trình diễn tốt đặc trưng của phương pháp dạy học lấy học sinh (HS) làm trung tâm									

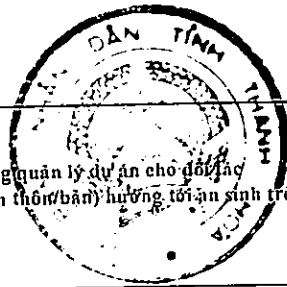
Hoạt động 3.2.1.1	Hỗ trợ thực hiện một khóa tập huấn cho giáo viên về chuyên đề dạy Tiếng Việt như ngôn ngữ thứ 2. Phí giảng viên: \$150 Tiền ăn: 25 người x \$6đay x 3 ngày/1lớp x 1lớp = \$450 Travel: 25 người x 0.25 x 3ngày = \$75 VPP = \$200. Ăn nhẹ = \$0.8/người/ngày x 25 người x 3 ngày = \$60. Tổng: 935\$	Q1	25 giáo viên tham gia	25 giáo viên tham gia	935	\$935							
Hoạt động 3.2.1.2	1 Tổ chức giám sát chéo và hội thảo giữa lãnh đạo PGD&ĐT, lãnh đạo các nhà trường, giáo viên nhằm tăng cường việc áp dụng ALM (Phương pháp dạy học tích cực) trong các trường Tiểu Học. - Tiền ăn = 25 người x \$6 x 3 ngày = \$450 - Tiền đi lại = 15 người x \$3 x 3 ngày = \$135 - VPP = 50\$ - Ăn nhẹ = 25 người x 3 ngày x \$0,8 = \$60 Tổng: 695\$	Q3	1 cuộc giám sát được thực hiện	1 cuộc giám sát được thực hiện	695	\$695							
Hoạt động 3.2.1.3	Hỗ trợ ban (phụ huynh - giáo viên) PH-GV tổ chức các hoạt động thư viện như giáo viên đọc sách cho học sinh, ngày hội đọc sách, trẻ đọc cho trẻ, tổ chức ngày hội sách và sưu tầm sách. Tập huấn về thư viện thân thiện và đánh giá lại thư viện 5 trường dự án: \$700 Hỗ trợ 3 trường xây dựng thư viện thân thiện: \$800 Tổ chức ngày hội đọc sách: 500\$ Tổng: \$2,000	Q2	3 thư viện đạt chuẩn	3 thư viện đạt chuẩn	2000	\$0	400	400	400	400	400		200
Hoạt động 3.2.1.4	Thực hiện đo khả năng đọc hiểu thiết thực học sinh hoàn thành lớp 5 Tổng: 700\$	Q3	0	1 cuộc khảo sát được thực hiện	700	700							
Đầu rn 3.2.2	Tăng cường sự tham gia của trẻ, gia đình và xã hội trong các hoạt động giáo dục, đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn		1 nhóm trẻ nông cốt bao gồm MVC hoạt động hiệu quả	1 nhóm trẻ nông cốt bao gồm trẻ dễ bị tổn thương nhất hoạt động hiệu quả									
			1 Ban PH-GV hoạt động hiệu quả	1 Ban PH-GV hoạt động hiệu quả									
Hoạt động 3.2.2.1	1, hỗ trợ các hoạt động của ban PH-GV: - Hợp triển khai cấp huyện \$400 - Hỗ trợ nhóm trẻ nông cốt và ban PH-GV họp hàng tháng. \$200x5 = 1,000\$ - Tập huấn cho nhóm trẻ nông cốt về quyền trẻ em, sự tham gia của trẻ và kỹ năng sống cho trẻ. 200\$ - Hỗ trợ nhóm trẻ nông cốt tập huấn lại cho những trẻ khác về quyền trẻ em, sự tham gia của trẻ và kỹ năng sống cho trẻ dưới sự hướng dẫn và giám sát của ban PH-GV. \$500 Tổng: 2,100\$ 2, Tập huấn cho phụ huynh giáo viên về kỹ năng sống và giá trị sống cho trẻ. - Tiền ăn và đi lại: 25 x 9\$ x 3 ngày = 675\$; phí tư vấn: 100\$; Văn phòng phẩm: 150\$; chi phí khác 100\$. Tổng: 1,025\$. Tổng 1+2 = 3,125\$	Q1, Q2, Q3, Q4	5 cuộc họp được hỗ trợ	10 cuộc họp được hỗ trợ	3,125	2,125	200	200	200	200	200		
Hoạt động 3.2.2.2	Tổ chức hội thi "Rung chuông vàng" với chủ đề tự nhiên xã hội cho trường tiểu học Trung Thượng, Trung Hạ và Trung Tiến. Ăn nhẹ: 50\$ + VPP 100\$ + giải 100\$ + chi phí khác \$100 = 350\$x3 trường = 1,050\$ Tổng: \$1,050	Q4	0	580 Học sinh tham gia	1,050	0	350	0	350	350	0		200

Hoạt động 3.2.2.3	Tổ chức hướng ứng tuần lễ giáo dục toàn cầu cho mọi người tại các trường trong vùng dự án. - Khẩu hiệu và biểu ngữ: 4xã x 3 khẩu hiệu x \$10 = \$120. - VPP cho trẻ vẽ tranh: 7 \$70/trường x 4 = \$280. - giải cho 10 tranh đẹp: \$5 x 10 = \$50. Tiền ăn và đi lại cho đại diện 4 xã và PGD sau cuộc họp: 65 x \$10 = \$650. - Tiền ăn nhẹ \$40. Tổng: 670\$	Q3	0	120 học sinh tham gia tuần lễ	670	670						
Hoạt động 3.2.2.4	Tập huấn cho ban phụ huynh giáo viên về vai trò của cha mẹ/giáo viên trong việc giáo dục trẻ, các kỹ năng hỗ trợ và kỹ năng làm việc với trẻ 4. Duy trì nhóm đọc sách thôn bản. Tổ chức một khoá tập huấn cho nhóm giảng viên nguồn cấp huyện. Tiền ăn và đi lại = 25 người x 9\$ x 2 ngày = 450\$; phí thuê tư vấn: 50\$; VPP = 50\$, ăn nhẹ 25 x 0.7 x 2 = 35\$; tiền phòng = 20\$; Tổng: 650\$ -Hỗ trợ nhóm giảng viên nguồn tập huấn lại tại trường. Tiền ăn = 35 x 5 trường x 30 người = 450 Chi phí khác: 5 trường x \$100 = \$500; Tổng: \$1,600	Q1,2	25 ban PH-GV được tập huấn	25 ban PH-GV được tập huấn	1.600	650	190	190	190	190	190	190
Hoạt động 3.2.2.5	1. Hỗ trợ thành lập và duy trì câu lạc bộ (CLB) đọc sách thôn bản, hỗ trợ sách và trang thiết bị. (\$400/CLB x 5 = \$2,000).	Q1,2,3,4	5 CLB được hỗ trợ	5 CLB được hỗ trợ	2.000	0	400	400	400	400	400	400
Đầu ra 3.2.3	Cải thiện điều kiện dạy và học tại các trường tiểu học dự án		7 trường được trang bị cơ sở vật chất cơ bản để triển khai PPDHTC (Phương pháp dạy học tích cực)	7 trường được trang bị cơ sở vật chất cơ bản để triển khai PPDHTC								
Hoạt động 3.2.3.1	Hỗ trợ trang thiết bị thư viện cho thư viện trường tiểu học Trung Tiền \$2,000 x 1 trường = \$2,000	Q2	1 thư viện được hỗ trợ	1 thư viện được hỗ trợ	2.000				2.000			
Hoạt động 3.2.3.2	Hỗ trợ nâng cấp tường rào sân chơi tại khu Máy tiểu học Trung Thượng. Tổng: \$2,366	Q2	35 học sinh được hưởng lợi	35 học sinh được hưởng lợi	2.366					4.200		1.500
Hoạt động 3.2.3.4	Hỗ trợ đồ dùng học tập cho trẻ nghèo đến trường 10 trẻ x \$100/đồ dùng = \$ 2,500	Q4	0	50 trẻ được hưởng lợi	2.500	0	500	500	500	500	500	
Kết quả 3.3	Cải thiện môi trường sống và học tập cho trẻ em trai và trẻ em gái ở độ tuổi 12-18 tuổi tại các xã vùng dự án		0	Điểm mạnh về nguồn lực và bối cảnh sống-học tập và làm việc được trẻ 12-18 tuổi báo cáo								
Đầu ra 3.3.1	Nâng cao kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt ở độ tuổi 12-18 tuổi trong và ngoài học đường		150 trẻ em trai, gái đều được kiến thức cơ bản về kỹ năng sống	150 trẻ em trai, gái nếu được kiến thức cơ bản về kỹ năng sống								

Hoạt động 3.3.1.1	Hỗ trợ khóa tập huấn cho giáo viên, cha mẹ trẻ và tình nguyện viên về giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống cho học sinh THCS. - Tiền ăn = 25 thành viên x \$6/ngày x 3 ngày/1 lớp x 1 lớp = \$450. Đi lại = 25 thành viên x \$3/ngày x 3 ngày = \$225. Thuê tư vấn = \$200. VPP = \$100. Ăn nhẹ = \$0.8/người/ngày x 25 người x 3 ngày/lớp = \$60. Phòng họp = \$30. Tổng: 1065\$	Q2	25 người tham gia tập huấn	25 người tham gia tập huấn	1.065	1.065							
Hoạt động 3.3.1.2	Hỗ trợ tập huấn lại cho học sinh từ 12-18 tuổi trong các trường THCS dự án về kiến thức kỹ năng sống và giá trị sống. - Ăn nhẹ: 50\$ x 3 trường = 250\$ - VPP: 100\$ x 5 trường = 500\$ - Giảng viên: 80\$ Tổng: 830\$	Q2	200 trẻ được tập huấn	200 trẻ được tập huấn	830	830							
Hoạt động 3.3.1.3	Tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức kỹ năng sống và giá trị sống cho 3 trường THCS Trung Tiến, Trung Thượng và Sơn Lư. VPP và trang trí: 300\$ x 3 trường = 900\$. Ăn nhẹ: 50\$ x 3 trường = \$150, giải thưởng: 217\$. Hỗ trợ người chăm thi: 150\$. Tổng \$1,417	Q4	150 trẻ tham gia hội thi	150 trẻ tham gia hội thi	1.417	\$0	0	0	350	350	350		
Hoạt động 3.3.1.4	Tổ chức hội thảo về định hướng nghề cho giáo viên, phụ huynh và trẻ trong và ngoài học đường. Tổ chức một hội thảo cấp huyện Phi tư vấn: 250\$ x 2 người = 500\$ Tiền ăn = 32 người x \$6 = \$190 Đi lại = 32 người x \$3 = \$96 - VPP = \$20; Ăn nhẹ = 35 người x \$0,8 = 28\$. phí khác: 200\$ Tổng 1,034\$ Tổ chức các buổi định hướng nghề tại các trường 5 trường x 200 = 1,000\$ lựa chọn và tập huấn nghề cho trẻ không còn đi học: 15 trẻ x \$300 = \$4,500 Tổng: 2,034\$	Q3	32 người tham gia	32 người tham gia	6.534	5.534	200	200	200	200	200		1.000
Hoạt động 3.3.1.5	Hỗ trợ tập huấn giảng viên nguồn cho giáo viên, phụ huynh về bình đẳng giới, giới tính, sức khỏe sinh sản cho trẻ trong và ngoài học đường. Một khóa tập huấn cấp huyện. Tiền ăn = 25 người x \$6/ngày x 3 ngày/1 lớp x 1 lớp = \$450. Đi lại = 25 người x \$3/ngày x 3 ngày = \$225. Phi tư vấn = \$200. VPP = \$100. ăn nhẹ = \$0.8/người/ngày x 25 người x 3 ngày/lớp = \$60. Phòng họp = \$30. Tổng: 1065\$ Hỗ trợ giảng viên nguồn tập huấn lại tại trường 5 trường x \$200 = \$1,000. Tổng: 2065\$	Q2	25 người tham gia	25 người tham gia	2.065	1.065	200	200	200	200	200		
Đầu ra 3.3.2	Cải thiện điều kiện dạy và học tại các trường THCS dự án		6 trường được trang bị cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện dạy và học	6 trường được trang bị cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện dạy và học									

Hoạt động 3.3.2.1	Hỗ trợ xây dựng bể nước và nhà vệ sinh cho học sinh bán trú trường THCS Trung Hà. \$4,000 x 1 trường = \$4,000	Q1,2	Số học sinh được hưởng lợi	Số học sinh được hưởng lợi	4.000		4.000						500
Dầu ra 3.3.3	Tăng cường sự tham gia của trẻ trong các hoạt động giao lưu, đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn			Sáng kiến/dự án nhỏ của trẻ khởi xướng và thực hiện									
Hoạt động 3.3.3.1	Thành lập và duy trì nhóm trẻ nông cốt tại các trường THCS - Ấn Độ: 15 người x \$ 0.8 x 8 tháng x 5 trường = \$480 - VPP: \$10 x 8 tháng x 5 trường = \$400. Tổng: \$880	Q1, Q2, Q3, Q	6 sáu cuộc họp tháng	8 cuộc họp tháng	880		176	176	176	176	176		
Hoạt động 3.3.3.2	Hỗ trợ một khóa tập huấn cho giáo viên và phụ huynh về sự tham gia của trẻ - Tiền ăn và đi lại: 25 x 9\$ x 3 ngày = 675\$, phí tư vấn: 100\$, VPP: 132\$, phí khác 100\$. Tổng: 1025\$. - Hỗ trợ tập huấn lại tại trường: 5 trường x \$200 = \$1,000 Tổng: 2.007\$	Q3	0	25 người tham gia	2.007	\$2.025							
Hoạt động 3.3.3.3	Hỗ trợ 5 sáng kiến nhỏ cho nhóm trẻ nông cốt 5 x 150\$ = 750\$	Q1,2,3	2 sáng kiến được hỗ trợ	5 sáng kiến được hỗ trợ	750		150	150	150	150	150		
Hoạt động 3.3.3.4	Hỗ trợ trang thiết bị học tập cho trẻ dễ bị tổn thương: 10 trẻ x 5 trường x \$38.8/trẻ = \$ 1940	Q2	50 trẻ được hỗ trợ	50 trẻ được hỗ trợ	1.940		700	654	700	650	650		
Hoạt động 3.3.3.5	Hỗ trợ tổ chức hội thi "Rung chuông vàng" về kiến thức an toàn giao thông cho 5 trường THCS Ấn Độ: 50\$ + VPP 100\$ + giải thưởng 100\$ + phí khác \$500 = 300\$ x 5 trường = 1500\$ Tổng: \$1,500	Q1	250 học sinh tham gia	250 học sinh tham gia	1.500		300	300	300	300	300		
	Tổng				69.260								
	Chi phí quản lý hành chính tại chương trình và chi phí gián tiếp cho văn phòng quốc gia				23.645								
	Tổng ngân sách dự án				92.905								
DỰ ÁN 4	DỰ ÁN XÂY DỰNG NĂNG LỰC - V187727												
Mục tiêu dự án 4	Nâng cao chất lượng quản lý chương trình hướng đến đảm bảo An sinh bền vững cho Trẻ em và cộng đồng.			% Ngân sách đóng góp từ địa phương									
Kết quả 4.1	Nâng cao năng lực về quản lý chương trình cho đối tác địa phương (BQLCT huyện, xã, ban phát triển thôn/bản và cộng tác viên)		% Thành viên BQLDA (Ban quản lý dự án) xã, Ban phát triển thôn/bản, cộng tác viên thôn có khả năng hướng dẫn các sự kiện Thiết kế, giám sát và đánh giá	% Thành viên BQLDA xã, Ban phát triển thôn/bản, cộng tác viên thôn có khả năng hướng dẫn các sự kiện Thiết kế, giám sát và đánh giá									

			% Ban phát triển thôn/bản thực hiện hiệu quả chu trình dự án bao gồm công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo theo cơ chế quy định.	% Ban phát triển thôn/bản thực hiện hiệu quả chu trình dự án bao gồm công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát và báo cáo theo cơ chế quy định.									
Dầu m 4.1.1	Hệ thống quản lý chương trình ở địa phương được thiết lập vững chắc		25 Buổi họp chia sẻ phản hồi thông tin được tổ chức hiệu quả	50 Buổi họp chia sẻ phản hồi thông tin được tổ chức hiệu quả									
				20 thành viên BQLDA xã, Ban phát triển thôn/bản, Cộng tác viên thôn nắm rõ được vai trò nhiệm vụ của mình									
Hoạt động 4.1.1.2	Thành lập 5 Ban phát triển thôn/bản tại xã Trung Hạ, Trung Tiến, Trung Thượng và Sơn Lư: 300\$ Hỗ trợ bảng thông báo/tủ đựng tài liệu cho 5 Ban phát triển thôn/bản: 5 Ban phát triển thôn/bản x 150\$ = 750\$. Tổng: 1,050\$	Q1	5 Ban phát triển thôn/bản được thành lập	5 Ban phát triển thôn/bản được thành lập	1.050		260		260		530		
Hoạt động 4.1.1.4	Tổ chức họp tháng với Ban phát triển thôn/bản và BQLDA xã 6 cuộc họp tháng x 250\$/tháng = 1,500\$ Tổng: 1500\$ Tổ chức họp 6 tháng và cuối năm với Ban phát triển thôn/bản 2 cuộc họp x 300\$ = 600\$ Tổng: 2100\$	Q1,2,3,4	3 cuộc họp được tổ chức	8 cuộc họp được tổ chức	2.100	\$ 600	300		300		300		300
Hoạt động 4.1.1.5	Nhiệm vụ 1. Tổ chức họp tổng kết cuối năm với BQLDA huyện, BQLDA xã và đối tác địa phương -Tiền ăn cho BQLDA xã và Ban phát triển thôn/bản: 68 người x 1 ngày x 5\$ = 340\$; -Tiền đi lại cho đối tác thuộc các xã dự án: \$160 Tổng: 500\$	Q4		1 cuộc họp cuối năm với BQLDA huyện, BQLDA xã và đối tác địa phương được tổ chức	500	\$ 500							
	Nhiệm vụ 2. Tổ chức họp quý với BQLDA huyện và thanh toán tiền giám sát cho các thành viên BQLDA huyện Tiền ăn và đi lại: 16 người x 1 ngày x 4 cuộc họp quý x 8\$ = 512\$. Chi phí giám sát: 10 người x 5\$ = 500\$ Tổng: \$1,012	Q1,2,3,4	2 cuộc họp quý được tổ chức	4 cuộc họp quý được tổ chức	1.012	\$ 1.012							
Hoạt động 4.1.1.6	Hỗ trợ các Ban phát triển thôn/bản tại các xã dự án tổ chức hoạt động cho trẻ như hội thi tìm hiểu phòng ngừa tai nạn thương tích, Phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai (PNGNRRTT), bảo vệ môi trường: 5250 x 17 Ban phát triển thôn/bản = \$4,250 Tổng: \$4250	Q3		17 Ban phát triển thôn/bản được hỗ trợ để tổ chức hoạt động cho trẻ	4.250		750		750		1.000		1.000 750



	Hỗ trợ nguyên liệu cho các Ban phát triển thôn/bản, BQLDA xã và nhóm trẻ làm bánh trung thu cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn và trẻ đại diện trong dịp Tết \$500 x 5 xã = \$2,500 Tổng \$2,500	Q2	5 xã được hỗ trợ	5 xã được hỗ trợ	2.500		500	500	500	500	500	
Dầu ra 4.1.2	Nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý dự án cho đối tác (BQLDA xã, Ban phát triển thôn/bản) hướng tới an sinh trẻ em		45 thành viên BQLDA xã, Ban phát triển thôn/bản, cộng tác viên nếu được các kiến thức cơ bản về ASTE	45 thành viên BQLDA xã, Ban phát triển thôn/bản, cộng tác viên nếu được các kiến thức cơ bản về ASTE								
Hoạt động 4.1.2.2	Tập huấn kỹ năng quản lý dự án (lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và báo cáo) cho BQLDA xã và Ban phát triển thôn/bản, đối tác bản 1. Tập huấn về kỹ năng quản lý nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin cho đối tác 5 xã và Ban phát triển thôn/bản Tiền ăn và đi lại: 25 người x 2 ngày x 2 lớp x 9\$ = 900\$. Ăn nhẹ: 50\$ x 2 ngày = 100\$ Thuê tư vấn: 300\$ Tổng \$1,300 2. Tổ chức tập huấn về chủ đề vận động chính sách cho đối tác xã và Ban phát triển thôn/bản Tiền ăn và đi lại: 25 người x 2 ngày x 2 lớp x 9\$ = 900\$. Ăn nhẹ: 50\$ x 2 ngày = 100\$ Tổng \$1000 Tổng 1+2 = \$2,300	Q2	50 người tham gia tập huấn về kỹ năng quản lý nhóm và thu thập, xử lý thông tin 50 người tham gia tập huấn về vận động chính sách	50 người tham gia tập huấn về kỹ năng quản lý nhóm và thu thập, xử lý thông tin 50 người tham gia tập huấn về vận động chính sách	2.300	\$ 2.300						
Hoạt động 4.1.2.3	Hỗ trợ các Ban phát triển thôn/bản tại các xã Trung Tiến, Trung Hạ, Trung Thượng, Sơn Lư thực hiện sáng kiến cộng đồng (làm đường liên thôn) Nguyên vật liệu: 3 sáng kiến x 3827 = \$11458 Tổng: \$11457	Q2,3	2 Ban phát triển thôn/bản được hỗ trợ	1 Ban phát triển thôn/bản được hỗ trợ	11.458		3.458		4.000	4.000		4.000
Hoạt động 4.1.2.5	Tổ chức sự kiện Thiết kế, giám sát và đánh giá Tập huấn lập kế hoạch năm tài chính: 550\$ Tổ chức họp dân tại bản: 750\$ Hợp với BQLDA xã: 383\$ Hợp với BQLDA huyện: 300\$ Tổng: 1.983\$	Q3		34 bản tổ chức họp làm kế hoạch NTC	1.983	\$ 1.983						500
Hoạt động 4.1.2.7	Tổ chức trại hè cho trẻ em thuộc 3 xã dự án 3 xã * 1.200\$ = 3.600\$	Q3		1 sự kiện được tổ chức	3.600		1.200			1.200	1.200	2.000
Dầu ra 4.1.3	Nâng cao hiểu biết của cộng đồng trong công tác phòng tránh giảm nhẹ rủi ro thiên tai			15 thôn có kế hoạch PNGNRRTT và đội phản ứng nhanh								
			300 người có kiến thức về PNGNTT	300 người có kiến thức về PNGNTT								
Hoạt động 4.1.3.1	Tập huấn kiến thức về các bước chuẩn bị trước, trong và sau thiên tai và lập kế hoạch PNGNRRTT cấp hộ gia đình cho đối tác 5 xã và đội phản ứng nhanh Tiền ăn và đi lại: 25 người x 2 ngày x 2 lớp x 9\$ = 900\$. Ăn nhẹ: 50\$ x 2 ngày = 100\$ Thuê tư vấn: 300\$ Tổng: \$1300	Q2	50 thành viên tham gia tập huấn	50 thành viên tham gia tập huấn	1.300	\$ 1.300						200

Hoạt động 4.1.3.2	Truyền thông kiến thức về các bước chuẩn bị trước, trong và sau thiên tai và lập kế hoạch PNGNRRTT cấp hộ gia đình cho người dân 22 bản thuộc 3 xã dự án (Trung Xuân, Trung Tiến, Trung Thượng) <i>Tiền án và đi lại cho giảng viên: 2 người x 2 ngày x 15\$ = 330\$.</i> <i>Ấn nhệ: 10\$ x 22 bản = 220\$</i> <i>VPP truyền thông: 25\$ x 22 bản = 550\$</i> Tổng = 1100\$	Q2	770 người (450 nữ, 320 nam) tham gia truyền thông	770 người (450 nữ, 320 nam) tham gia truyền thông	1.100			370	370	360		200
Hoạt động 4.1.3.4	Hỗ trợ thiết bị truyền thông và dụng cụ làm việc cho các bản và đội phản ứng nhanh của 5 xã dự án: \$350 x 5 xã = \$1,750. giảng viên nguồn = \$1,750	Q1	5 đội phản ứng nhanh được hỗ trợ	5 đội phản ứng nhanh được hỗ trợ	1.750		350	350	350	350	350	
Hoạt động 4.1.3.7	Hỗ trợ nhóm trẻ nông cốt các xã dự án truyền thông lại cho các bạn học sinh trong trường về PNGNRRTT - Tập huấn cho giảng viên: 600\$ - Tập huấn cho nhóm trẻ nông cốt về cách truyền thông: 5300 - Nhóm trẻ nông cốt truyền thông lại cho các bạn trong trường: 5300 Tổng: \$1,200	Q2,4	100 trẻ nông cốt được hỗ trợ để truyền thông lại	100 trẻ nông cốt được hỗ trợ để truyền thông lại	1.200	5	600	120	120	120	120	
Hoạt động 4.1.3.8	Phòng tránh giảm nhẹ thiên tai cấp Chương trình (tập trung vào diễn tập và chuẩn bị và tổ chức Hội thảo về chính sách PNGNRRTT)	Q4		60 người tham gia vào hội thảo PNGNRRTT	3.819							
Hoạt động 4.1.3.9	Phòng tránh giảm nhẹ thiên tai cấp Quốc gia	Q4			4.000							
Kết quả 4.2	Nâng cao năng lực cho phụ nữ trong phát triển cộng đồng			% phụ nữ tham gia tổ nhóm cộng đồng								
				% phụ nữ tham gia vào các cuộc họp thôn, bản								
Đầu ra 4.2.1	Nâng cao nhận thức của người dân địa phương về bình đẳng giới, bạo lực gia đình			300 người có kiến thức cơ bản về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình								
Hoạt động 4.2.1.1	Tập huấn về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình và nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội cho đối tác địa phương (Hội phụ nữ, BQLDA xã, Ban phát triển thôn/bản, vv) <i>Tiền án và đi lại: 25 người x 2 ngày x 9\$ x 2 lớp = 900\$,</i> <i>Ấn nhệ: 50\$ x 2 lớp = 100\$</i> Tổng: 1000\$	Q1	50 người tham gia tập huấn	50 người tham gia tập huấn	1.000	5	1.000					
Hoạt động 4.2.1.2	Truyền thông về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình và nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội cho người dân tại 3 xã Trung Hạ, Trung Xuân và Trung Thượng <i>Tiền án và đi lại cho giảng viên: 1 người x 21 ngày x 15\$ = 315\$</i> <i>Ấn nhệ: 10\$ x 21 bản = 310\$</i> <i>VPP truyền thông: 25\$ x 21 bản = 525\$</i> Tổng = 1150\$	Q1	735 người tham gia truyền thông (300 nam, 435 nữ)	735 người tham gia truyền thông (300 nam, 435 nữ)	1.150		384	383		383		

Dầu ra 4.2.2	Kiến thức của phụ nữ về công tác phát triển được cải thiện			3 sáng kiến của các nhóm phụ nữ phát triển cộng đồng được hỗ trợ thực hiện									
Hoạt động 4.2.3.1	Hỗ trợ các nhóm phụ nữ phát triển cộng đồng tổ chức sinh hoạt hằng tháng: 10 nhóm x 6S x 12 tháng = 720S Hỗ trợ cho giảng viên: 300S Tổng: \$ 1220	Q1,2,3,4	12 cuộc sinh hoạt tháng được tổ chức	12 cuộc sinh hoạt tháng được tổ chức	1.220		244	244	244	244	244		500
Hoạt động 4.2.3.3	Tập huấn về kỹ năng thuyết trình và viết sáng kiến cho đối tác và phụ nữ Tập huấn cho đối tác: Tiền ăn và đi lại: 25 người x 2 ngày x 9S x 2 lớp = 900S. Ăn nhẹ: 50S x 2 lớp = 100S Tập huấn cho thành viên các nhóm phụ nữ: Tiền ăn và đi lại cho giảng viên: 1 người x 10 ngày x 15S = 150S Ăn nhẹ: 10S x 5 xã = 50S TPT: 25S x 5 xã = 125S Tổng: 1.325S	Q1	200 người tham gia tập huấn	200 người tham gia tập huấn	1.325	\$ 1.000	65	65	65	65	65		
Hoạt động 4.2.3.4	Hỗ trợ các nhóm phụ nữ phát triển cộng đồng thực hiện sáng kiến thực hành 4 sáng kiến x 800S = 3200S Tổng: 53.200	Q2, Q4	2 sáng kiến được hỗ trợ	2 sáng kiến được hỗ trợ	3.200		800	1.600	800				500
	Tổng				51.817								
	Chi phí quản lý hành chính tại chương trình và chi phí gián tiếp cho văn phòng quốc gia				22.563								
					74.380								
	Tổng ngân sách sự án				34.638	27.438							2.200
Dự án 5	DỰ ÁN BẢO TRỢ LÔNG GHÉP												
Mục tiêu dự án 5	Trẻ được chăm sóc, được tham gia trong một gia đình và cộng đồng an toàn, tràn ngập tình yêu thương		% hộ gia đình có trẻ bảo trợ kể được ít nhất 2 hoạt động hưởng lợi từ Chương trình	% hộ gia đình có trẻ bảo trợ kể được ít nhất 2 hoạt động hưởng lợi từ Chương trình									
			% hộ gia đình hoặc cha mẹ Trẻ đăng ký cho rằng con họ có thay đổi tích cực khi tham gia dự án bảo trợ	% of Trẻ đăng ký hộ gia đình hoặc cha mẹ Trẻ đăng ký cho rằng con họ có thay đổi tích cực khi tham gia dự án bảo trợ									
Kết quả 5.1	Cải thiện môi trường chăm sóc và bảo vệ trẻ trong gia đình và cộng đồng.			30% % Ban BVTE (bảo vệ trẻ em) hoạt động hiệu quả									
Dầu ra 5.1.1	Mạng lưới bảo vệ, chăm sóc trẻ em được hình thành và duy trì			2 Ban bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng hoạt động hiệu quả									
			60 thành viên của mạng lưới BVTE cấp thôn, xã có kiến thức cơ bản về BVTE (trẻ chết, bỏ học, trẻ bệnh)	60 thành viên của mạng lưới BVTE cấp thôn, xã có kiến thức cơ bản về BVTE (trẻ chết, bỏ học, trẻ bệnh)									

Hoạt động 5.1.1.1	Hỗ trợ duy trì mạng lưới BVTE cấp huyện và cấp xã. Hợp qui với mạng lưới (thu thập thông tin về tình trạng trẻ và có kế hoạch hỗ trợ trẻ dễ bị tổn thương nhất) 4 quý x \$200 = \$800 Tổng: \$800	Q1,2,3,4	2 cuộc họp được tổ chức	4 cuộc họp được tổ chức	800	800						
Hoạt động 5.1.1.3	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên mạng lưới BVTE về quản lý ca và kỹ năng làm việc với trẻ cho thành viên ban BVTE và tình nguyện viên 1 khóa x 60 người x \$10 x 2 ngày = \$1,200 - Tham gia tập huấn và hội thảo cấp tỉnh: \$2,000 Tổng: \$3,200\$	Q3,4	60 người được tập huấn về quản lý ca	60 người được tập huấn về quản lý ca	3.200	3.200						
Hoạt động 5.1.1.5	Hỗ trợ ban BVTE tổ chức chiến dịch truyền thông về bảo vệ trẻ em cho người dân địa phương của 5 xã trong vùng dự án. \$200 x 5 xã = \$1,000	Q1	1000 tham gia truyền thông vào BVTE	1000 tham gia truyền thông vào BVTE	1.000	1.000						
Hoạt động 5.1.1.6	Tổ chức diễn đàn về quyền trẻ em cấp huyện \$600 x 3 xã = \$1,800. Tổng: \$1,8000	Q3		800 tham gia diễn đàn	1.800		600		600	600		500
Đầu ra 5.1.2	Quyền trẻ em được đảm bảo khi tham gia các hoạt động xã hội			300 người (cả nam và nữ) có kiến thức về quyền trẻ em								
				2 sáng kiến nhỏ được thực hiện bởi trẻ em (trẻ trai và trẻ gái)								
Hoạt động 5.1.2.1	Tập huấn về quyền trẻ em cho giảng viên nguồn của mạng lưới BVTE - 3 lớp x 30 người/lớp x \$9/người= \$810 . Tổng: \$810	Q1	90 người được tập huấn về quyền trẻ em	90 người được tập huấn về quyền trẻ em	810	810						
Hoạt động 5.1.2.2	Truyền thông về quyền trẻ em cho 3 xã (xã Trung Xuân, Trung Hạ và Sơn Lư) bởi hệ thống BVTE \$200 x 3 xã = \$600	Q3		660 người được truyền thông về quyền trẻ em	600		200	200			200	200
Hoạt động 5.1.2.3	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ em của 34 thôn bản vào ngày 1/6 -ngày tết thiếu nhi. \$1,500 Tổng: \$1,500	Q3		2000 trẻ được tham gia hoạt động	1.500		300	300	300	300	300	
Đầu ra 5.1.3	Xây dựng và quản lý kế hoạch giám sát an sinh của trẻ và công tác bảo trợ cho cộng đồng (Cộng tác viên Bảo trợ).		45 Cộng tác viên bảo trợ có kiến thức cơ bản về bảo trợ và vai trò của dự án bảo trợ	45 Cộng tác viên bảo trợ có kiến thức cơ bản về bảo trợ và vai trò của dự án bảo trợ								
Hoạt động 5.1.3.2	Tổ chức họp Cộng tác viên định kỳ (2 tháng 1 lần) và khen thưởng Cộng tác viên làm tốt công tác bảo trợ - Phí họp: 6 lần x \$370 = \$2,220 - Giải thưởng: 12 người x \$5 = 60\$ Tổng: \$2,280	Q1,2,3,4	3 cuộc họp được tổ chức	6 cuộc họp được tổ chức	2.280	2.280						
Hoạt động 5.1.3.3	Hỗ trợ chi phí đi lại 54 cộng tác viên bảo trợ 12 tháng x 300\$ = 3600\$ Tổng: 3.600\$	Q1,2,3,4	54 cộng tác viên bảo trợ được hỗ trợ	54 cộng tác viên bảo trợ được hỗ trợ	3.600	3.600						1.000
Hoạt động 5.1.3.4	Thực hiện 5 cuộc thăm trẻ/ kế hoạch được duyệt Tập huấn kiến thức về bảo trợ cho tình nguyện viên trước thăm trẻ, báo cáo tiến bộ và thiếp năm mới. 6 lớp x 320\$ = \$1,920 Phí thăm: 1.250\$ Tổng: \$3,170	Q1,2,3,4	100% trẻ được thăm đúng thời gian	100% trẻ được thăm đúng thời gian	3.170	3.170						
Hoạt động 5.1.3.5	Hỗ trợ trẻ bảo trợ có hoàn cảnh đặc biệt được phát hiện sau thăm trẻ. \$2,324	Q1,2,3,4	5 trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ	10 trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ	2.324	2.324						



Hoạt động 5.1.3.7	Phối kết hợp với phòng LĐTB&XH tổ chức khám sức khỏe cho trẻ khuyết tật và có can thiệp tiếp theo với những trường hợp cần thiết. 1 cuộc khám sức khỏe: \$1,000, giảng viên nguồn: \$1,000	Q2	1 cuộc khám sức khỏe được thực hiện	1 cuộc khám sức khỏe được thực hiện	1.000	1.000							500
Kết quả 5.2	Tăng cường sự hiểu biết và niềm tin của cộng đồng về chương trình Bảo trợ		% hộ gia đình sẵn lòng cho con tham gia chương trình bảo trợ	% hộ gia đình sẵn lòng cho con tham gia chương trình bảo trợ									
Dầu ra 5.2.1	Công tác quản lý bảo trợ được đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định		6 tháng dịch vụ quản lý bảo trợ của chương trình được xếp loại "xanh"	12 tháng dịch vụ quản lý bảo trợ của chương trình được xếp loại "xanh"									
Hoạt động 5.2.1.1	Tổ chức cho trẻ đại diện làm thiệp chúc mừng năm mới gửi Nhà bảo trợ (gồm chi phí in mẫu Thiệp chúc mừng năm mới) 2000 trẻ x 0.65\$ = 1,300\$ Tổng: 1,300\$	Q4	0 % trẻ và gia đình tham gia vào hoạt động làm Thiệp chúc mừng năm mới	100 % trẻ và gia đình tham gia vào hoạt động làm Thiệp chúc mừng năm mới	1.300	1.300							
Hoạt động 5.2.1.2	Tổ chức cho trẻ đại diện làm báo cáo tiên bộ năm gửi Nhà bảo trợ (gồm chi phí in mẫu Báo cáo tiên bộ năm) 2000 trẻ x 1.7\$ = 3,400\$ Tổng: 3,400\$	Q3	0 % trẻ và gia đình tham gia vào hoạt động làm Báo cáo tiên bộ năm	100% trẻ và gia đình tham gia vào hoạt động làm Báo cáo tiên bộ năm	3.400	3.400							
Hoạt động 5.2.1.4	Gửi các loại thư từ Báo cáo tiên bộ năm, Thiệp chúc mừng năm mới. .) đúng thời gian Tổng: 2,000 trẻ x \$2.277/trẻ = 4.554\$	Q1,2,3,4	100% thư từ được gửi đúng thời gian	100% thư từ được gửi đúng thời gian	4.554	4.554							
Dầu ra 5.2.2	Kiến thức về bảo trợ của trẻ và cha mẹ trẻ đăng ký và không đăng ký được tăng cường.			1000 trẻ (đại diện và không đại diện) nắm được kiến thức cơ bản về bản trợ sau truyền thông tập huấn.									
			1000 cha mẹ trẻ nếu được kiến thức cơ bản về bảo trợ sau truyền thông	1000 cha mẹ trẻ nếu được kiến thức cơ bản về bảo trợ sau truyền thông									
Hoạt động 5.2.2.2	Tổ chức truyền thông về bảo trợ cho trẻ ở 5 xã mục tiêu: 5 xã x 200 = 1,000\$ Tổng: 1,000\$	Q3		1200 trẻ được tập huấn về BT	1.000		250	250	250	250	250		
Hoạt động 5.2.2.3	Tổ chức các đêm truyền thông cho cha mẹ trẻ ở 4 xã mục tiêu. Sơn Lư, Trung Tiễn, Trung Thượng, Trung Xuân and 1 buổi truyền thông tại Trung Hạ - 4 đêm truyền thông x \$400 = \$1,600 - 1 cuộc truyền thông tại Trung Hạ. \$200 giảng viên nguồn: \$1800	Q2	1095 được tập huấn về bảo trợ	1095 được tập huấn về bảo trợ	1.800		200	400	400	400	400		
Hoạt động 5.2.2.4	Tổ chức hội thi viết thu cấp chương trình và cấp quốc gia. Tổng 500\$	Q2	700 trẻ bảo trợ tham gia	700 trẻ bảo trợ tham gia	500	500							
	Tổng				34.638								
	Chi phí quản lý hành chính tại chương trình và chi phí gián tiếp cho văn phòng quốc gia				45.764								
	Tổng ngân sách dự án				80.402								
	TỔNG NGÂN SÁCH CẢ CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2016				403.064								37.200